

ĐỀ THI LẦN I

Mã đề thi: 1257

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 24. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. So với cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975), cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của nhân dân Việt Nam có điểm khác biệt cơ bản nào sau đây?

- A. Chiến đấu chống chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới.
- B. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.
- C. Chiến đấu chống chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ.
- D. Vừa kháng chiến vừa xây dựng cơ sở cho chế độ mới.

Câu 2. Nội dung nào sau đây là một trong những triển vọng của Cộng đồng ASEAN?

- A. Mức độ liên kết ngày càng sâu rộng.
- B. Sự chênh lệch về trình độ phát triển.
- C. Sự đối lập về ý thức hệ, tư tưởng.
- D. Những xung đột trên Biển Đông.

Câu 3. Sự kiện Nhật Bản đầu hàng Đồng minh không điều kiện (15/8/1945) có tác động nào sau đây đến cách mạng Việt Nam?

- A. Bắt đầu tạo ra sự khủng hoảng về chính trị trong đội ngũ kẻ thù.
- B. Tạo điều kiện cho thực dân Pháp quay trở lại tái chiếm Việt Nam.
- C. Thời cơ cách mạng chín muồi, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố.
- D. Làm cho dấu hiệu của thời cơ cách mạng bắt đầu xuất hiện.

Câu 4. Đoạn tư liệu: “Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy” (*Tuyên Ngôn Độc lập*, Hồ Chí Minh) thể hiện quyết tâm nào của nhân dân Việt Nam sau khi giành thắng lợi trong Cách mạng tháng Tám năm 1945?

- A. Xây dựng chế độ mới – chủ nghĩa xã hội.
- B. Xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân.
- C. Bảo vệ và giữ vững thành quả cách mạng.
- D. Đề cao quyền làm chủ của lực lượng chính trị.

Câu 5. Chiến dịch Việt Bắc thu - đông (1947) và chiến dịch Biên giới thu - đông (1950) có điểm tương đồng nào sau đây?

- A. Đánh dấu sự trưởng thành của bộ đội chủ lực Việt Nam.
- B. Giữ vững được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ.
- C. Buộc thực dân Pháp lùi về phòng ngự bị động trên chiến trường.
- D. Làm phá sản kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp.

Câu 6. Sau năm 1975, nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam để chống lại kẻ thù nào sau đây?

- A. Phát xít Đức.
- B. Thực dân Pháp.
- C. Đế quốc Mỹ.
- D. Quân Pôn Pốt.

Câu 7. Một trong những tỉnh giành chính quyền muộn nhất trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

- A. Hải Dương.
- B. Bắc Giang.
- C. Hà Tĩnh.
- D. Đồng Nai Thượng.

Câu 8. Tháng 5/1972, Mỹ và Liên Xô kí kết “Hiệp ước về hạn chế hệ thống phòng, chống tên lửa (ABM)”. Ngày 9/11/1972, hai nước Cộng hòa dân chủ Đức và Cộng hòa Liên bang Đức kí kết “Hiệp

định về cơ sở quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức”. Những sự kiện trên phản ánh thực tiễn nào về quan hệ quốc tế từ đầu những năm 70 thế kỷ XX?

- A. Tình trạng đối đầu căng thẳng giữa hai cực, hai phe hoàn toàn chấm dứt.
- B. Trật tự hai cực I-an-ta có biểu hiện suy yếu khi xu hướng hòa hoãn xuất hiện.
- C. Các quốc gia điều chỉnh chính sách đối ngoại để thích ứng với bối cảnh mới.
- D. Sự hình thành các điều kiện để đưa đến sự ra đời của trật tự thế giới đơn cực.

Cho đoạn tư liệu, trả lời các câu 9, 10, 11:

“Xây dựng và tổ chức thực hiện ba chương trình về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu ...

Ba chương trình mục tiêu là nội dung chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1986 - 1990, phải được tập trung cao độ sức người, sức của để thực hiện ...

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế. Kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa...”

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 47, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.898 - 899,902)

Câu 9. Mục tiêu của việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam từ năm 1986 là gì?

- A. Chuyển đổi sang mô hình sản xuất tự do.
- B. Thực hiện tư nhân hóa nền kinh tế.
- C. Tạo động lực thúc đẩy sản xuất.
- D. Thay đổi vai trò quản lý của nhà nước.

Câu 10. “Ba chương trình mục tiêu” được đề cập đến trong đoạn tư liệu đã cho thấy Đảng Cộng sản Việt Nam lựa chọn giải pháp nào để khắc phục khủng hoảng kinh tế - xã hội sau năm 1986?

- A. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng để tạo nền tảng lâu dài.
- B. Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại để thu hút vốn và công nghệ.
- C. Thực hiện cải cách hệ thống chính trị song song với kinh tế.
- D. Tập trung giải quyết những nhu cầu thiết yếu của người dân.

Câu 11. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng nhận xét về đặc điểm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam trong giai đoạn 1986 – 1990?

- A. Cải cách chính trị mang tính đột phá, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế.
- B. Thể hiện sự thay đổi trong mục tiêu xây dựng đất nước cho phù hợp với thực tiễn.
- C. Quá trình cải cách kinh tế triệt để, tách rời vai trò quản lý của Nhà nước.
- D. Đổi mới có trọng tâm, trọng điểm, bắt đầu từ cơ chế quản lý kinh tế.

Câu 12. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa quốc tế của sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết?

- A. Chứng minh sự đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lênin.
- B. Thể hiện quyền dân tộc tự quyết của các nước Xô viết.
- C. Tạo sức mạnh để nhân dân Liên Xô xây dựng đất nước.
- D. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của đế quốc Nga.

Câu 13. Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu trong những năm đầu thế kỷ XX chủ yếu diễn ra ở những quốc gia nào sau đây?

- A. Nhật Bản, Triều Tiên.
- B. Trung Quốc, Anh.
- C. Nhật Bản, Trung Quốc.
- D. Nhật Bản, Pháp.

Câu 14. Những câu thơ “Một xin rửa sạch nước thù/Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng/Ba kéo oan ức lòng chồng/Bốn xin vền vẹn sở công lệnh này” (Trích trong tác phẩm “*Thiên Nam ngữ lục*”) nhắc đến cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nào của nhân dân Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc?

A. Hai Bà Trưng (40-43).

B. Phùng Hưng (Cuối thế kỷ VIII).

C. Bà Triệu (248).

D. Lý Bí (542-602).

Câu 15. Nhận định nào sau đây **không** đúng về trật tự hai cực I-an-ta?

A. Hình thành dựa trên những thỏa thuận chủ yếu của hai siêu cường: Liên Xô, Mỹ.

B. Phản ánh thế cân bằng quyền lực giữa Liên Xô và Mỹ trong định hình trật tự mới.

C. Xác lập từ sự thắng lợi của hệ thống tư bản chủ nghĩa trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

D. Đặt nền móng cho sự hình thành của cục diện quan hệ quốc tế nửa sau thế kỷ XX.

Câu 16. Trong giai đoạn đầu (1967 – 1976), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tập trung vào hợp tác chính trị - an ninh là bởi

A. nhu cầu xây dựng tổ chức thành liên minh chính trị - an ninh chặt chẽ.

B. giải quyết “vấn đề Cam-pu-chia” một cách thuận lợi và nhanh chóng.

C. thúc đẩy nhanh việc kết nạp các nước có cùng ý thức hệ vào tổ chức.

D. mong muốn hạn chế sự chi phối của các nước lớn đối với khu vực.

Câu 17. Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh là

A. toàn cầu hóa, nhất thể hóa.

B. đối đầu trên các lĩnh vực.

C. đơn cực, một trung tâm.

D. lấy phát triển kinh tế là trọng tâm.

Câu 18. Sự kiện nào sau đây đánh dấu chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới?

A. Các nước Đông Âu hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân (1945-1949).

B. Nội chiến Trung Quốc kết thúc, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời (1949).

C. Cách mạng Cuba giành thắng lợi, nước Cộng hòa Cuba thành lập (1959).

D. Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (1945).

Câu 19. Nội dung nào phản ánh **không** đúng thành tựu của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 2006 đến nay?

A. Trở thành quốc gia đang phát triển có thu nhập trung bình.

B. Hoàn thành xóa mù chữ, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học.

C. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo đã được thực hiện thành công.

D. Thiết lập quan hệ đối tác toàn diện với tất cả các nước trên thế giới.

Câu 20. Ba mũi giáp công quân dân miền Nam sử dụng để chiến đấu chống “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam là gì?

A. Chính trị, quân sự, ngoại giao.

B. Chính trị, kinh tế, văn hóa.

C. Rừng núi, nông thôn đồng bằng, đô thị.

D. Chính trị, quân sự, binh vận.

Câu 21. Một trong những quốc gia tham gia sáng lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là

A. Miến Điện.

B. Bru-nây.

C. Việt Nam.

D. Ma-lai-xi-a.

Câu 22. Một trong những điểm độc đáo của cuộc kháng chiến chống Tống lần 2 (1075 – 1077) so với các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm khác trong lịch sử dân tộc là

A. chủ động tấn công trước để chế ngự đối phương.

B. nghệ thuật “tâm công” khích lệ tinh thần quân sĩ.

C. chủ động khiêu chiến với giặc ngoại xâm.

D. xây dựng trận địa vững chắc ở sông Bạch Đằng.

Câu 23. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng âm mưu của Mỹ khi tiến hành các hoạt động chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam lần thứ nhất (1965-1968)?

- A. Ngăn chặn nguồn chi viện từ bên ngoài vào miền Bắc, từ miền Bắc vào miền Nam.
- B. Giành thắng lợi quyết định, tạo thế và lực buộc ta ký kết hiệp định có lợi cho Mỹ.
- C. Thủ tiêu hoàn toàn các kế hoạch quân sự chống phá Mỹ của miền Bắc Việt Nam.
- D. Dùng miền Bắc làm bàn đạp để mở các cuộc hành quân xâm lược Lào và Cam-pu-chia.

Câu 24. Một trong những biểu hiện của Trật tự hai cực I-an-ta từ năm 1945 đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX là

- A. Quan hệ quốc tế vừa hòa dịu, vừa căng thẳng.
- B. Sự thiết lập các khối quân sự đối đầu nhau.
- C. Phong trào giải phóng dân tộc giành thắng lợi.
- D. Mỹ can dự trực tiếp vào các cuộc chiến tranh cục bộ.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Cho bảng thông tin về quá trình hình thành của tổ chức Liên hợp quốc:

Thời gian	Sự kiện liên quan
Ngày 1/1/1942	Đại diện 26 nước đã kí bản Tuyên bố Liên hợp quốc.
Từ ngày 28/11 đến ngày 1/12/1943	Tại Hội nghị Tê-hê-ran, ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh khẳng định quyết tâm thành lập Liên hợp quốc.
Tháng 2/1945	Tại Hội nghị I-an-ta, ba nước Liên Xô, Mỹ, Anh đã ra quyết định về việc thành lập Liên hợp quốc.
Từ ngày 25/4/1945 đến ngày 26/6/1945	Một hội nghị quốc tế được tổ chức tại Xan Phran-xi-xcô với sự tham gia của đại biểu 50 nước đã thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.

- a) Liên hợp quốc được thành lập dựa trên nhu cầu, mong muốn chủ yếu của phe Đồng minh chống phát xít trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- b) Việc ký kết bản “Tuyên bố Liên hợp quốc” đã tạo ra cơ sở vững chắc cho việc hình thành một tổ chức quốc tế nhằm duy trì hòa bình, an ninh thế giới thay cho Hội Quốc liên.
- c) Quá trình hình thành Liên hợp quốc diễn ra lâu dài, đầy trở ngại do các cường quốc đều có toan tính muốn lợi dụng tổ chức quốc tế này làm công cụ thực hiện các cuộc xâm lược.
- d) Sự ra đời của Liên hợp quốc góp phần tạo môi trường quốc tế thuận lợi, hỗ trợ cách mạng Việt Nam giữ vững thành quả đạt được trong Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

Câu 2: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn do Ngô Đình Diệm đứng đầu đã trắng trợn phá bỏ Hiệp định Giơ-ne-vơ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, mở các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng” bằng cái gọi là sức mạnh của quân lực cộng hòa,...

... Để bảo vệ sinh mạng và quyền lợi cơ bản của mình, nhân dân miền Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng không có con đường nào khác là phải đứng lên đánh đổ chế độ độc tài phát xít của Mỹ và tay sai, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà”.

(Lê Mậu Hãn, *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2017, tr.294)

- a) Sau năm 1954, dưới sự hậu thuẫn của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thực hiện nhiều hành động phi nghĩa để phá hoại Hiệp định Giơ-ne-vơ.
- b) Chính sách khủng bố, đàn áp của Mỹ - Diệm là nguyên nhân chủ yếu khiến cho cuộc Tổng tuyển cử tự do thống nhất đất nước không được thực hiện ở miền Nam Việt Nam.

c) Trước dã tâm xâm lược của thế lực ngoại xâm, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Nghị quyết 15 (1959), đánh dấu sự chuyển biến trong tư duy chỉ đạo cách mạng.

d) Sự thay đổi trong tư duy chỉ đạo cách mạng của Đảng đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh trong quần chúng nhân dân, trở thành đòn tấn công trực diện đầu tiên vào đế quốc Mỹ.

Câu 3: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Thắng lợi tại Hội nghị Geneva bắt nguồn từ đường lối cách mạng đúng đắn và sự lãnh đạo, chỉ đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; từ khát vọng hòa bình cháy bỏng, chủ nghĩa yêu nước cùng bản lĩnh và trí tuệ của dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước. Hiệp định Geneva là kết tinh thành quả đấu tranh quật cường và bền bỉ của quân và dân ta, từ chiến thắng Việt Bắc Thu-Đông 1947 đến Chiến dịch biên giới Thu Đông 1950 và tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ.

(Bộ Ngoại giao, 70 năm Hiệp định Geneva: Những bài học lịch sử, 2024, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.13)

a) Nguyên nhân quyết định dẫn tới thắng lợi ngoại giao của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Geneva là sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

b) Hiệp định Geneva (1954) là thắng lợi ngoại giao quan trọng của cách mạng Việt Nam vì đây là bản hiệp định đầu tiên Việt Nam được các nước công nhận đầy đủ các quyền dân tộc cơ bản.

c) Kết quả của quá trình đàm phán tại Geneva phản ánh sự kết tinh của nhiều yếu tố, trong đó, thắng lợi tại chiến dịch Điện Biên Phủ là yếu tố quan trọng.

d) Bài học rút ra từ thắng lợi ngoại giao tại Geneva (1954) là hoạt động đối ngoại muốn đạt hiệu quả thì cần được đặt trong tổng thể đường lối cách mạng đúng đắn, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

Câu 4: Cho đoạn tư liệu sau đây:

“Từ một nước có nền kinh tế kế hoạch tập trung, bị bao vây, cấm vận, đến nay nước ta đã trở thành một nước có nền kinh tế thị trường định hướng XHCN [Xã hội chủ nghĩa] liên kết kinh tế sâu rộng; đã ký 15 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó có 3 FTA thế hệ mới có tiêu chuẩn rất cao, và mạng lưới liên kết quốc tế sâu rộng với hầu hết các nền kinh tế quan trọng trên thế giới. Nếu cách đây 30 năm, chúng ta mới có quan hệ kinh tế - thương mại với gần 30 nước và vùng lãnh thổ thì đến nay là 230 nước và vùng lãnh thổ; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đến nay đã đạt khoảng 600 tỉ USD, gấp khoảng 120 lần so với những năm đầu thời kỳ đổi mới”.

(Nguyễn Phú Trọng, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2024, tr.184)

a) Mục tiêu chủ yếu của Việt Nam khi ký kết nhiều FTA là nhằm gia tăng nhanh kim ngạch xuất nhập khẩu, từ đó, góp phần chuyển Việt Nam từ nước nghèo thành nước công – nông nghiệp phát triển.

b) Mạng lưới quan hệ kinh tế với 230 quốc gia và vùng lãnh thổ cho thấy Việt Nam đã đạt được mức độ độc lập, tự chủ hoàn toàn về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

c) Những số liệu về mạng lưới FTA và kim ngạch xuất nhập khẩu cho thấy hội nhập kinh tế quốc tế là một trong những động lực thúc đẩy sự chuyển biến trong cơ cấu kinh tế Việt Nam thời kỳ Đổi mới.

d) Việc Việt Nam vừa xây dựng kinh tế thị trường, vừa mở rộng liên kết kinh tế quốc tế chứng tỏ mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không đồng nghĩa với khép kín hay tách rời kinh tế thế giới.